ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM NHA TRANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /ĐA-UBND	*Nam Nha Trang, ngày 06 tháng 6 năm 2026*

Dự thảo

ĐỀ ÁN
Sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

a) Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (mục XIV) đã chỉ rõ: "*Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới*" và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tại mục 12.5.11 Phụ lục III giao: "*Đảng ủy Chính phủ chủ trì sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới*" thời gian thực hiện Quý II/2026.

b) Kết luận số 163-KL/TW năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trong đó yêu cầu: "*Nghiên cứu lộ trình kéo dài việc sử dụng người không chuyên trách phù hợp với thời điểm sắp xếp lại thôn, tổ dân phố (trước ngày 31/5/2026)*".

c) Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp đã giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ: "*Khẩn trương ban hành quy định về tiêu chí và trình tự, thủ tục sắp xếp thôn, tổ dân phố; phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các địa phương hướng dẫn việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách các địa phương tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư trên địa bàn*".

d) Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới: "*Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới*".

đ) Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

e) Văn bản số 6766/UBND-TH ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc khẩn trương triển khai Chỉ thị sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Cơ sở pháp lý

a) Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024*).

b) Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

c) Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

d) Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

đ) Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

e) Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2026. Theo đó, Chính phủ yêu cầu hoàn thành việc sắp xếp thôn, tổ dân phố, bản theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

g) Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

- Văn bản số 5766/UBND-TH ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Sự cần thiết

Việc xây dựng và ban hành Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang là cần thiết và cấp bách, xuất phát từ các yêu cầu sau:

- Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các kết luận của Trung ương.

- Đáp ứng yêu cầu hoàn thành việc sắp xếp tổ dân phố trong Quý II/2026 theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; bảo đảm tiến độ, lộ trình đề ra.

- Duy trì hoạt động quản lý ở cơ sở, vừa từng bước sắp xếp, bố trí lại phù hợp sau khi hoàn thành việc sắp xếp.

- Khắc phục những bất cập trong tổ chức, quy mô tổ dân phố hiện nay, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tự quản cộng đồng dân cư.

- Phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới, gắn với quá trình đô thị hóa, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.

Trên cơ sở đó, việc ban hành Đề án là cần thiết nhằm tổ chức lại các tổ dân phố theo hướng khoa học, hợp lý; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn phường.

II. THỰC TRẠNG TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG

1. Quy định của Trung ương về quy mô số lượng hộ gia đình

Điểm đ Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định: "*Ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên: Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên*".

Ngoài ra, Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định: "*Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì HĐND cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương*"; đồng thời Khoản 2 Điều 10 quy định: "*Trường hợp HĐND cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này thì áp dụng tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều này*".

Bên cạnh đó, Khoản 3 Điều 10 quy định: "a*) Đối với thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này; b) UBND cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc thù quy định tại điểm a khoản này, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ*".

2. Thực trạng quy mô số lượng hộ gia đình, nhân khẩu

- Tổng số tổ dân phố trên địa bàn phường: 65 tổ, với 36.319 hộ, 130.592 nhân khẩu.

- Số tổ dân phố đạt tiêu chuẩn (từ 450 hộ trở lên): 38 tổ, với 27.416 hộ, 94.676 nhân khẩu, chiếm 58,46% tổng số tổ dân phố và chiếm tỷ lệ lớn về quy mô dân số, hộ gia đình trên địa bàn.

- Số tổ dân phố không đạt tiêu chuẩn (dưới 450 hộ): 27 tổ, với 8.903 hộ, 35.916 nhân khẩu, chiếm 41,54% tổng số tổ dân phố.

Nhìn chung, quy mô số hộ gia đình giữa các tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang còn phân bố chưa đồng đều; số lượng tổ dân phố không đạt tiêu chuẩn còn chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Nhiều tổ dân phố có quy mô nhỏ, số hộ ít, dẫn đến việc tổ chức hoạt động gặp khó khăn, phân tán nguồn lực, tăng đầu mối tổ chức, ảnh hưởng đến việc bố trí, sắp xếp đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Từ thực trạng nêu trên, việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất các tổ dân phố không đạt tiêu chuẩn là cần thiết, nhằm bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở khu dân cư.

3. Thực trạng về số lượng người hoạt động không chuyên trách

a) Số lượng theo định mức

Theo quy định (03 người/tổ dân phố), tổng số người hoạt động không chuyên trách tối đa trên địa bàn phường là 195 người, gồm:

- 65 Bí thư chi bộ tổ dân phố;

- 65 Tổ trưởng tổ dân phố;

- 65 Trưởng ban Công tác Mặt trận tổ dân phố.

b) Số lượng hiện có

Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố hiện có là 186 người, gồm:

- 65 Bí thư chi bộ tổ dân phố;

- 58 Tổ trưởng tổ dân phố (khuyết 01 Tổ trưởng tại Tổ dân phố Thái Thông 2; 06 tổ dân phố thực hiện mô hình Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng, gồm: Phước Thượng, Phước Điền, Phước Tân, Phước Thủy, Phú Cường, Thành Đạt);

- 63 Trưởng ban Công tác Mặt trận tổ dân phố (02 tổ dân phố thực hiện mô hình Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận, gồm: Đất Lành, Phước Lợi).

c) Cơ cấu, mức độ đáp ứng và xu hướng bố trí

- Tổng số hiện có đạt 186/195 người, tương đương 95,38% so với định mức quy định.

- Chức danh Bí thư chi bộ được bố trí đầy đủ 65/65, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện ở khu dân cư.

- Chức danh Tổ trưởng còn thiếu 07 vị trí so với định mức, trong đó:

+ 01 vị trí chưa bố trí (khuyết);

+ 06 vị trí thực hiện mô hình Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng.

- Chức danh Trưởng ban Công tác Mặt trận còn thiếu 02 vị trí do thực hiện mô hình Bí thư chi bộ kiêm nhiệm.

d) Yêu cầu đặt ra

Từ thực trạng nêu trên, việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất các tổ dân phố là cần thiết nhằm:

- Giảm số lượng đầu mối, tạo điều kiện bố trí đủ số lượng người hoạt động không chuyên trách theo định mức;

- Cơ cấu lại đội ngũ theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động;

- Tiếp tục thực hiện mô hình kiêm nhiệm phù hợp, đồng thời bảo đảm cân đối khối lượng công việc, tránh quá tải;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở khu dân cư, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Thực trạng về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Số lượng theo định mức

Theo quy định (05 người/tổ dân phố), tổng số lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tối đa trên địa bàn phường là 325 người, gồm:

- 65 Tổ trưởng;

- 65 Tổ phó;

- 195 thành viên.

b) Số lượng hiện có: Số lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện có là 228 người, gồm:

- 65 Tổ trưởng;

- 65 Tổ phó;

- 98 thành viên.

c) Cơ cấu, mức độ đáp ứng và đặc điểm phân bố

- Tổng số hiện có đạt 228/325 người, tương đương 70,15% so với định mức quy định.

- Lực lượng Tổ trưởng và Tổ phó được bố trí đầy đủ 65/65, bảo đảm vai trò nòng cốt trong chỉ huy, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn cơ sở. Tuy nhiên, lực lượng thành viên còn thiếu 97 người so với định mức (98/195), chỉ đạt 50,26% so với yêu cầu.

d) Yêu cầu đặt ra

Từ thực trạng nêu trên, việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất các tổ dân phố là cần thiết nhằm giảm đầu mối, tạo điều kiện thuận lợi để cơ cấu lại, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hợp lý, bảo đảm đủ số lượng theo quy định, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ

1. Giữ nguyên tổ dân phố đạt chuẩn quy mô số hộ

- Tổng số tổ dân phố đạt tiêu chuẩn (từ 450 hộ trở lên) được giữ nguyên: 38 tổ, với 27.416 hộ, 94.676 nhân khẩu.

- Lý do:

+ Các tổ dân phố nêu trên đã bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Có ranh giới địa lý rõ ràng, quy mô dân cư ổn định, phân bố hợp lý;

+ Việc giữ nguyên các tổ dân phố góp phần bảo đảm tính ổn định về tổ chức, hạn chế xáo trộn đời sống Nhân dân; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở khu dân cư và các tổ chức tự quản, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình hiện nay.

2. Hợp nhất các tổ dân phố không đạt chuẩn

a) Đối tượng thực hiện: Các tổ dân phố có quy mô hộ gia đình dưới 450 hộ theo quy định.

b) Nguyên tắc thực hiện

Việc hợp nhất các tổ dân phố được thực hiện bảo đảm các nguyên tắc:

- Căn cứ quy mô số hộ gia đình;

- Các tổ dân phố có địa bàn liền kề, thuận lợi cho công tác quản lý và sinh hoạt cộng đồng;

- Bảo đảm giữ ổn định đời sống Nhân dân, hạn chế xáo trộn;

- Phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển đô thị và điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Phương án thực hiện

Thực hiện hợp nhất 27 tổ dân phố có quy mô dưới 450 hộ thành 12 tổ dân phố mới, bảo đảm sau sắp xếp mỗi tổ dân phố đạt quy mô từ 450 hộ trở lên theo quy định; đồng thời góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Cụ thể:

- Tổ dân phố Phước Lộc Toàn (hợp nhất Tổ dân phố 3 Phước Lộc và Tổ dân phố 2 Phước Toàn Tây);

- Tổ dân phố Phước An Nam (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Phước An Nam, Tổ dân phố 2 Phước An Nam, Tổ dân phố 3 Phước An Nam);

- Tổ dân phố Phước Toàn An (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Phước An Bắc, Tổ dân phố 2 Phước An Bắc và Tổ dân phố 3 Phước Toàn Tây);

- Tổ dân phố Phước Tín (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Phước Tín, Tổ dân phố 2 Phước Tín);

- Tổ dân phố Phước Thịnh (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Phước Thịnh, Tổ dân phố 2 Phước Thịnh);

- Tổ dân phố Phước An Bình (hợp nhất Tổ dân phố Phước An và Tổ dân phố Phước Bình);

- Tổ dân phố 1 Phước Trung (hợp nhất Tổ dân phố 1 Phước Trung và Tổ dân phố Phước Lộc);

- Tổ dân phố Bình Tân (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Bình Tân, Tổ dân phố 2 Bình Tân, Tổ dân phố 3 Bình Tân);

- Tổ dân phố 2 Trường Sơn (hợp nhất Tổ dân phố 2 Trường Sơn và Tổ dân phố 4 Trường Sơn);

- Tổ dân phố 3 Trường Sơn (hợp nhất Tổ dân phố 3 Trường Sơn và Tổ dân phố 5 Trường Sơn);

- Tổ dân phố Trường Hải (hợp nhất các Tổ dân phố 1 Trường Hải và Tổ dân phố 2 Trường Hải);

- Tổ dân phố Phú Thọ Cường (hợp nhất Tổ dân phố Phú Cường và Tổ dân phố Phú Thọ).

d) Kết quả thực hiện

Sau khi thực hiện phương án sắp xếp:

- Tổng số tổ dân phố trên địa bàn phường còn 50 tổ, giảm 15 tổ so với trước khi sắp xếp (tương đương giảm 23,08%);

- 100% tổ dân phố (50/50) đạt tiêu chuẩn theo quy định.

3. Tên gọi và quy mô số hộ, nhân khẩu của các tổ dân phố sau sắp xếp

Sau khi thực hiện sắp xếp đối với 27 tổ dân phố thuộc diện sắp xếp, 12 tổ dân phố được xác định lại tên gọi, quy mô số hộ và nhân khẩu, bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể như sau:

- Tổ dân phố Phước Lộc Toàn: 726 hộ, 2.675 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phước An Nam: 855 hộ, 3.816 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phước Toàn An: 785 hộ, 3.806 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phước Tín: 646 hộ, 2.207 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phước Thịnh: 742 hộ, 2.955 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phước An Bình: 712 hộ, 2.875 nhân khẩu;

- Tổ dân phố 1 Phước Trung: 661 hộ, 2.932 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Bình Tân: 995 hộ, 3.946 nhân khẩu;

- Tổ dân phố 2 Trường Sơn: 668 hộ, 2.499 nhân khẩu;

- Tổ dân phố 3 Trường Sơn: 728 hộ, 2.913 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Trường Hải: 728 hộ, 2.889 nhân khẩu;

- Tổ dân phố Phú Thọ Cường: 657 hộ, 2.403 nhân khẩu.

Các tổ dân phố còn lại giữ nguyên tên gọi và quy mô theo hiện trạng do đã bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; tiếp tục hoạt động ổn định, không thực hiện sắp xếp.

IV. SẮP XẾP VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG Ở TỔ DÂN PHỐ

1. Sắp xếp, giải quyết chế độ người hoạt động không chuyên trách

a) Nguyên tắc thực hiện

- Việc lựa chọn, bố trí các chức danh sau sắp xếp phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu tự quản của cộng đồng tại tổ dân phố; đồng thời phát huy dân chủ ở cơ sở, đề cao tính chủ động, sáng tạo của cấp cơ sở và tận dụng hiệu quả kinh nghiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ không chuyên trách hiện có.

- Thực hiện thôi kiêm nhiệm đối với công chức phường đang đảm nhiệm các chức danh Bí thư chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban Công tác Mặt trận tại tổ dân phố.

- Bảo đảm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín trong Nhân dân, có năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại tổ dân phố sau sắp xếp.

- Ưu tiên bố trí tiếp tục công tác đối với các trường hợp có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Các trường hợp dôi dư sau sắp xếp thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Phương án sắp xếp

Việc sắp xếp tổ dân phố làm thay đổi về tổ chức, nhân sự người hoạt động không chuyên trách tại các tổ dân phố thuộc diện sắp xếp. Căn cứ số lượng tổ dân phố sau sắp xếp và định mức bố trí theo quy định, phương án bố trí đối với 27 tổ dân phố như sau:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có: 80 người, gồm:

+ 27 Bí thư chi bộ;

+ 26 Tổ trưởng (trong đó 01 trường hợp Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng);

+ 27 Trưởng ban Công tác Mặt trận.

- Số lượng bố trí tối đa sau sắp xếp: 36 người (12 tổ dân phố x 03 người/tổ), gồm Bí thư chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban Công tác Mặt trận.

- Số lượng tiếp tục bố trí, sử dụng: 36 người (*trong đó có 03 người hoạt động không chuyên trách từ phường bố trí về làm người hoạt động không chuyên trách tại tổ dân phố, gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố 2 Phước An Nam; Tổ trưởng Tổ dân phố Phú Thọ; Trưởng ban Công tác Mặt trận Tổ dân phố 3 Trường Sơn*).

- Số lượng dôi dư sắp xếp: 44 người, trong đó:

+ 01 trường hợp cho thôi kiêm nhiệm chức danh Bí thư chi bộ (Tổ dân phố 2 Trường Hải);

+ 43 người thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm duy trì ổn định tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn tổ dân phố sau sắp xếp.

- Việc bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu nhiệm vụ.

- Ưu tiên lựa chọn, bố trí những người có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín trong cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tiếp tục tham gia thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm công khai, minh bạch.

b) Phương án sắp xếp đối với 27 tổ dân phố thuộc diện sắp xếp

- Số lượng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tối đa là 135 người (05 người/tổ dân phố), gồm: 27 Tổ trưởng, 27 Tổ phó, 81 thành viên;

- Số lượng hiện có là 91 người, gồm: 27 Tổ trưởng, 26 Tổ phó, 38 thành viên;

- Số lượng tiếp tục bố trí, sử dụng là 60 người (12 tổ dân phố x 05 người/tổ dân phố);

- Số lượng dôi dư thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định là 31 người.

c) Các giải pháp hỗ trợ khác

Đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không tiếp tục tham gia sau khi sắp xếp, thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG TỔ DÂN PHỐ

1. Rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo giữa chi bộ, tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở khu dân cư, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức sau sắp xếp.

- Quy chế phối hợp được hoàn thiện theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng tổ chức; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

2. Bố trí địa điểm sinh hoạt của tổ dân phố sau sắp xếp

Trên cơ sở hiện trạng Trung tâm sinh hoạt cộng đồng/Nhà văn hóa (sau đây gọi chung là Nhà văn hóa) ở cơ sở và phương án sắp xếp tổ dân phố, việc bố trí địa điểm sinh hoạt tại 50 tổ dân phố sau sắp xếp được thực hiện như sau:

- Tổng số Nhà văn hóa hiện có đáp ứng điều kiện phục vụ sinh hoạt của tổ dân phố sau sắp xếp (không cần nâng cấp, sửa chữa, mở rộng): 27 địa điểm, trong đó:

+ Số Nhà văn hóa thuộc các tổ dân phố giữ nguyên (không sắp xếp): 17 địa điểm;

+ Số Nhà văn hóa thuộc các tổ dân phố thực hiện sắp xếp: 10 địa điểm.

- Số tổ dân phố được bố trí sinh hoạt tại Nhà văn hóa độc lập (không chia sẻ địa điểm với tổ dân phố khác sau sắp xếp): 22 tổ dân phố, trong đó:

+ Nhóm giữ nguyên (không sắp xếp): 15 tổ, tương ứng với 15 Nhà văn hóa độc lập;

+ Nhóm thực hiện sắp xếp (các tổ mới hình thành có điều kiện hạ tầng riêng): 07 tổ, quản lý và sử dụng 12 Nhà văn hóa hiện có từ các tổ cũ chuyển giao (trong đó: 01 tổ quản lý 03 Nhà văn hóa; 03 tổ quản lý, sử dụng 02 Nhà văn hóa).

- Số tổ dân phố bố trí sinh hoạt chung (ghép cặp hoặc ghép ba) tại các Nhà văn hóa: 14 tổ dân phố, sử dụng chung 08 Nhà văn hóa hiện có, cụ thể:

+ Nhóm giữ nguyên (không sắp xếp) gồm 13 tổ sử dụng chung 07 Nhà văn hóa:

(+) Tổ dân phố 1 Phước Lộc, 2 Phước Lộc, 4 Phước Lộc: Sử dụng chung Nhà văn hóa Phước Lộc;

(+) Tổ dân phố 6 Phước Lộc, 4 Phước Toàn Tây: Sử dụng chung Nhà văn hóa Tổ 4 Phước Toàn Tây và Tổ 6 Phước Lộc;

(+) Tổ dân phố 1 Phước An Hòa, 2 Phước An Hòa, 3 Phước An Hòa: Sử dụng chung Nhà văn hóa Phước An Hòa;

(+) Tổ dân phố Phước Hưng, 1 Phước Thành: Sử dụng chung Nhà văn hóa Phước Thành;

(+) Tổ dân phố 1 Phước Thái, Tổ dân phố 1 Phước Tường: Sử dụng chung Trung tâm sinh hoạt cộng đồng phường Phước Long (3/2);

(+) Tổ dân phố Trường Đông, Trường Thọ: sử dụng chung Trung tâm sinh hoạt cộng đồng (Vĩnh Trường cũ);

(+) Tổ dân phố Thành Phát, Thành Đạt: sử dụng chung Nhà văn hóa Thành Đạt - Thành Phát.

+ Nhóm thực hiện sắp xếp gồm 01 tổ dân phố mới: Tổ dân phố 1 Phước Trung được bố trí sử dụng chung Nhà văn hóa với Tổ dân phố An Bình (Tổ dân

phố An Bình là tổ giữ nguyên đã được tính định biên hạ tầng độc lập tại nhóm trên).

- Số tổ dân phố phải bố trí sinh hoạt tạm tại trường học, hộ nhà dân hoặc địa điểm khác (do địa bàn chưa có Nhà văn hóa): 14 tổ dân phố, trong đó:

+ Nhóm giữ nguyên (không sắp xếp): 11 tổ, gồm các Tổ dân phố: 3 Phước Tín, 2 Phước Thành, 2 Phước Trung, 2 Phước Thái, 2 Phước Tường, 1 Trường Sơn, Thái Thông 1, Thái Thông 2, Thủy Tú, Vĩnh Xuân, Phú Thịnh.

+ Nhóm thực hiện sắp xếp: 03 tổ, gồm các Tổ dân phố Bình Tân, 2 Trường Sơn, 3 Trường Sơn.

3. Bố trí trang thiết bị, hệ thống mạng tại Nhà văn hóa

Trên cơ sở phương án sắp xếp tổ dân phố và hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở, việc bố trí trang thiết bị và hệ thống mạng tại 27 Nhà văn hóa được thực hiện nhằm bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt và tổ chức các hoạt động của tổ dân phố sau sắp xếp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở cơ sở:

- Trang bị máy tính: Bố trí 27 bộ máy tính tại 27 Nhà văn hóa, bảo đảm mỗi Nhà văn hóa được trang bị 01 bộ máy tính. Thiết bị được sử dụng phục vụ công tác quản lý, tổng hợp thông tin, soạn thảo văn bản, báo cáo, lưu trữ dữ liệu và triển khai các nhiệm vụ của tổ dân phố.

- Trang bị máy in: Bố trí 27 máy in tương ứng tại 27 Nhà văn hóa, bảo đảm mỗi điểm sinh hoạt cộng đồng được trang bị 01 máy in phục vụ nhu cầu in ấn tài liệu, thông báo, biên bản họp, văn bản điều hành và các hoạt động hành chính của tổ dân phố và Ban Công tác Mặt trận.

- Hệ thống mạng internet (wifi): Lắp đặt hệ thống wifi tại 27 Nhà văn hóa, bảo đảm kết nối internet ổn định, phục vụ họp trực tuyến, trao đổi thông tin giữa các tổ dân phố, cập nhật dữ liệu quản lý, đồng thời đáp ứng yêu cầu trong quản lý dân cư và điều hành hoạt động ở cơ sở.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang được triển khai theo các bước sau:

1. Xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy phường

a) Nội dung: Trình Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, cho ý kiến đối với Đề án sắp xếp tổ dân phố.

b) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 06/6/2026.

2. Ban hành kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

a) Nội dung:

- Ban hành kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Đề án;

- Tổ chức lấy ý kiến tại các tổ dân phố thuộc diện sắp xếp, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định.

b) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 12/6/2026.

3. Hoàn thiện Đề án và trình HĐND phường

a) Nội dung: Hoàn thiện Đề án sắp xếp tổ dân phố, trình HĐND phường xem xét, thông qua Nghị quyết việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang.

b) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 14/6/2026.

4. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

a) Nội dung: Công bố Nghị quyết; tổ chức hợp nhất các tổ dân phố theo phương án; kiện toàn tổ chức, nhân sự.

b) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 15/6/2026.

5. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện

a) Nội dung: Tổng hợp kết quả, báo cáo cơ quan Sở Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

b) Thời gian hoàn thành: Sau khi hoàn thành việc triển khai, trước ngày 15/6/2026.

6. Thực hiện chế độ, chính sách

a) Nội dung: Lập hồ sơ, thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách không tiếp tục tham gia sau sắp xếp theo quy định.

b) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/6/2026.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Đảng ủy phường

a) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn, bảo đảm đúng chủ trương, quy định và tiến độ;

b) Chỉ đạo Bí thư chi bộ các tổ dân phố triển khai thực hiện Đề án, bảo đảm thống nhất trong hệ thống chính trị ở cơ sở;

c) Chỉ định Bí thư chi bộ tại các tổ dân phố sau hợp nhất theo thẩm quyền, bảo đảm ổn định tổ chức.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia, đồng thuận thực hiện;

b) Chỉ đạo rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức thành viên tại các tổ dân phố, bảo đảm đồng bộ với phương án sắp xếp;

c) Chỉ đạo Ban Công tác Mặt trận các tổ dân phố triển khai Đề án; thực hiện chỉ định Trưởng ban theo thẩm quyền; tổ chức hiệp thương, giới thiệu nhân sự để UBND phường xem xét, chỉ định Tổ trưởng theo quy định;

d) Tham gia giám sát việc triển khai, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Chủ trì, tham mưu UBND phường xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai Đề án, bảo đảm tiến độ, chất lượng;

b) Tham mưu UBND phường xem xét, chỉ định Tổ trưởng tổ dân phố trên cơ sở nhân sự được hiệp thương, giới thiệu;

c) Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận;

d) Tổng hợp, tham mưu UBND phường báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

a) Tham mưu bố trí, bảo đảm và hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp rà soát ranh giới, hạ tầng, tài sản công; tham mưu cập nhật, điều chỉnh hồ sơ sau sắp xếp;

c) Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

5. Văn phòng HĐND và UBND phường

a) Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND phường, Chủ tịch UBND phường ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Đề án.

b) Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Bảo đảm các điều kiện phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hội họp và triển khai Đề án.

6. Trung tâm Phục vụ hành chính công

a) Chủ trì xây dựng, cập nhật chuyên mục lấy ý kiến Nhân dân; đăng tải Đề án và tài liệu liên quan;

b) Phối hợp tiếp nhận, tổng hợp ý kiến góp ý của Nhân dân theo quy định;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thay đổi thông tin cư trú, địa chỉ sau sắp xếp.

7. Công an phường

a) Chủ trì rà soát, cập nhật số hộ, nhân khẩu và biến động dân cư phục vụ sắp xếp;

b) Đánh giá tác động, xây dựng phương án bảo đảm an ninh, trật tự trước, trong và sau khi triển khai;

c) Tham mưu bố trí lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; đề xuất chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tiếp tục tham gia;

d) Phối hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin cư trú, địa chỉ hành chính theo tổ dân phố mới.

8. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Dịch vụ công ích

a) Tổ chức tuyên truyền về nội dung Đề án và việc lấy ý kiến Nhân dân, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời;

b) Phối hợp xây dựng nội dung, tài liệu tuyên truyền;

c) Phối hợp đăng tải, chia sẻ thông tin trên các nền tảng thông tin của phường;

d) Phối hợp bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ tuyên truyền và triển khai Đề án;

đ) Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả Nhà văn hóa tại các tổ dân phố sau sắp xếp.

9. Tổ trưởng tổ dân phố

a) Tuyên truyền về nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Đề án;

b) Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; tổng hợp, gửi kết quả theo quy định;

c) Phối hợp rà soát, cập nhật số hộ, nhân khẩu và biến động dân cư;

d) Phối hợp triển khai Đề án tại khu dân cư, bảo đảm tiến độ.

(*Đính kèm 03 phụ lục*)

Trên đây là Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Nam Nha Trang./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ (b/c);
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND phường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Trang TTĐT phường (đăng tin);
- Tổ dân phố trên địa bàn phường;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

- Lưu: VT, VHXH.
06.6.2026/NMH/01b

Nguyễn Văn Minh